Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
Số 122

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ SÔNG LÔ

(Kèm theo Nghị quyết số: 85 /2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ
1	Đất khu dân cư hai bên đường Tỉnh Lộ 306	Từ giáp địa phận xã Lập Thạch	Đến ngã tư thôn Thiều Xuân (nhà ông chính)	5.500	3.300	900	2.900	2.000	800	2.000	1.500	700	148	2	733	9
		Từ ngã tư Thiều Xuân (nhà ông chính)	Đến trường THCS Đồng Thịnh	6.800	4.080	900	4.100	2.900	800	2.700	2.100	700	323	9	896	16
		Từ trường THCS Đồng Thịnh	Đến ngã tư giao đường 307B	7.800	4.680	900	4.700	3.300	800	3.100	2.400	700				
		Từ đường 307B	Đến ngã 3 Ngân hàng Nông nghiệp	6.800	4.080	900	4.100	2.900	800	2.700	2.100	700				
		Từ ngã 3 Ngân hàng Nông nghiệp	Đến trường THCS xã Đức Bác	5.900	3.540	900	3.500	2.500	800	2.400	1.800	700				
		Từ trường THCS Đức Bác	Đến trụ sở UBND xã Đức Bác cũ	6.200	3.720	900	3.500	2.500	800	2.400	1.800	700	267	19	643	24
		Từ trụ sở UBND xã Đức Bác cũ	Đến đê Sông Lô	6.800	4.080	900	4.100	2.900	800	2.700	2.100	700	643	24	507	33
2	Đất khu dân cư hai bên đường Tỉnh Lộ 306B	Đoạn từ ngã Tư Xuân Lôi	Đường tỉnh lộ 306B, (nhà bà Lý Đễ)	4.000	2.400	900	2.900	2.000	800	2.000	1.500	700				
		Đường tỉnh lộ 306B, (nhà bà Lý Đễ)	Đến đê tả Sông Lô (phà then)	3.500	2.100	900	2.900	2.000	800	2.000	1.500	700				
3	Đất khu dân cư hai bên đường Tỉnh Lộ 307B			8.000	4.800	900	4.700	3.300	800	3.100	2.400	600				
4	Đường Trục xã	Đoạn từ Trạm viễn thông Đến cổng ông thông thứ giáp thôn Yên Mỹ		2.900	1.740	900	1.700	1.300	700	1.200	900	500	722	24	196	8
		Đoạn từ Trường THCS Đức Bác Đến hết địa phận xã Sông Lô giáp xã Sơn Đông		2.500	1.500	900	1.400	1.000	700	900	700	500	193	19	183	29
		Đoạn Từ TL306- ông Cửu- Lan sinh- Cầu chui Cao tốc		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Đoạn Từ - ông Chi - Bà Lê - Dậu Thuý- Cầu chui Cao tốc		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Đoạn Từ cổng làng Yên Lương đi Hầu Tình		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Đê Tả Sông Lô- Bưu Điện Tứ Yên - Ông Lựu		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Xuyến Thuỷ - NVH thôn An Khang		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		THCS- Cổng làng Yên Phú - Đê Tả Sông Lô		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Trụ sở Công an xã - Cổng Ông Ngân		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Trụ sở Công an xã - Cổng Ông Công - Tuấn Chín - Ông Huấn thứ		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Cổng làng Yên Phú -nhà ông Duy xã đội		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Trạm Y tế Tứ Yên- Hương huệ - đê tả Sông Lô		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Ông Hoàng Anh - Thôn Yên Mỹ - Dương Thọ		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Từ ngã 3 Ngân hàng Nông nghiệp Qua ngã tư gốc đa thôn Đồng Tâm đến cổng nghĩa trang ba bậc		4.900	2.940	900	2.900	2.000	900	2.000	1.500	700				
		Cổng nghĩa trang ba bậc đến đê tả Sông Lô và nhánh rẽ đi UBND xã Tứ Yên (cũ) đến đê tả Sông Lô		3.500	2.100	900	2.900	2.000	900	2.000	1.500	700				
		Từ cổng làng thôn An Khang đi Nghĩa trang 3 bậc		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Từ trường THCS Yên Thạch đi ngã ba ruộng mồ đoạn tiếp giáp với đường TTY tế và đoạn nhà Nam Thành đi ông Tước		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Đường từ Cầu Đồng giáp địa phận xã Tam Sơn đi nhà bà Dung tiếp giáp tỉnh lộ 306		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Từ Nhà ông Nhưng đi nghĩa trang gò năng đến tiếp giáp xã Tam Sơn		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Từ nhà bà Nguyệt Quốc đi cổng Dội tiếp giáp xã Tam Sơn		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Đoạn từ giáp địa phận xã Tiên Lữ - Tiến Bộ - Chiến Thắng - Quyết Thắng - Minh Tân đến khu TĐC đường Nút giao Văn Quán		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Đoạn từ ngã 3 thôn Quyết Thắng (cổng nhà ông Công Hải) - Yên Tĩnh đến ngã tư Cây Đa thôn Đồng Tâm		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Đoạn từ ngã 4 Kho Chùa thôn Thượng Yên - Yên Phú - Cầu Chui đến Giáp xã Sơn Đông		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Đoạn từ ngã 3 thôn Tiến Bộ - thôn Yên Thái - ngã 4 Kho Chùa thôn Thượng Yên - Ngã 3 thôn Bằng Phú		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Đoạn từ ngã 3 thôn Hiệp Lực - NVH thôn Hiệp Lực - ngã 3 thôn Bằng Phú - Yên Bình - Cầu vượt Cao Tốc		2.500	1.500	900	1.000	800	700	700	600	500				
		Địa phận xã Yên Thạch cũ		5.900	3.500	1.000	3.500	2.500	700	2.400	1.800	500				
5	Đất đấu giá QSDĐ và đất giãn dân khu đồng Nhà Dâm, thôn Đồng Tâm	Mặt cắt đường > 13,5m		8.000			6.200			4.200						
		Mặt cắt đường ≤ 13,5m		5.000			3.900			2.600						
6	Đất đấu giá QSDĐ và đất giãn dân khu đồng Nhà Môi, thôn Chiến Thắng	Mặt cắt đường > 13,5m		10.400			6.200			4.200						
		Mặt cắt đường ≤ 13,5m		6.500			3.900			2.600						

STT	Tên đường phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại dịch vụ			Đất cơ sở sản xuất PNN			Điểm đầu		Điểm cuối	
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	Số thửa	Số tờ	Số thửa	Số tờ
7	Khu tái định cư 500KV An Khang			2.600			1.600			1.000						
8	Khu tái định cư 500KV khu nhà Tiếng			8.000			5.600			3.900						
9	Khu tái định cư 500KV Vàng Bầu			6.800			4.800			3.400						
11	Khu tái định cư phục vụ KCN Sông Lô I, xã Sông Lô Khu vực Đồng Thịnh	Tiếp giáp TL 306		6.500			3.900			2.600						
		các vị trí còn lại		3.900			2.300			1.600						
11	Khu tái định cư phục vụ KCN Sông Lô I, xã Sông Lô Khu vực Tứ Yên	Tiếp giáp đường trục xã		4.000			2.800			2.000						
		các vị trí còn lại		2.800			2.000			1.400						
12	Khu tái định cư phục vụ KCN Sông Lô II, xã Sông Lô Khu vực Yên Thạch	Tiếp giáp đường trục xã		4.500			3.200			2.200						
		các vị trí còn lại		3.000			2.100			1.500						
13	Khu tái định cư phục vụ KCN Sông Lô II, xã Sông Lô Khu vực Đồng Thịnh			9.000			3.900			2.600						
14	Khu tái định cư Ngọc Me	Tiếp giáp TL 307b		11.000			7.700			5.400						
		các vị trí còn lại		6.600			4.600			3.200						
15	Khu tái định cư phục Đường sắt Lào Cai- Hà Nội - Hải Phòng	Tiếp giáp đường trục xã		4.600			3.200			2.200						
		các vị trí còn lại		3.000			2.100			1.500						
16	Khu tái định cư phục Mở rộng Đường TL 306 đi Cầu VĨnh Phú	Tiếp giáp đường 306		7.500			5.300			3.700						
		các vị trí còn lại		4.800			3.400			2.400						
17	Đất khu dân cư hai bên đường liên xã, Đất khu dân cư hai bên đường đê Sông Lô	Từ giáp xã Sơn Đông	Đến ngã ba cổng gỗ thôn Khoái Thượng	4.900	2.900	900	2.900	2.000	700	2.000	1.500	500				
		Từ ngã ba cổng gỗ thôn Khoái Thượng	Đến bến cát Thế anh	5.500	3.300	900	2.900	2.000	700	2.000	1.500	500				
		Từ bến cát Thế anh	Đến giáp xã Tam Sơn	3.600	2.160	900	2.900	2.000	700	2.000	1.500	500				
19	Khu tái định cư đường cao tốc khu vực Đồng Thịnh cũ			2.600			1.800			1.300						
20	Đất khu tái định cư đường cao tốc khu vực Tứ Yên cũ			4.500			3.200			2.200						
20	Khu tái định cư đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (Khu Sầu Giang	Tiếp giáp TL 306		6.800			4.800			3.400						
		các vị trí còn lại		4.000			2.800			2.000						
21	Khu đất dịch vụ, giãn dân, đấu giá QSD đất khu vực Bãi Dưới, Lâm Ngoài, Cầu Chu	Các Lô từ A1-A25; B1-B5; C1-C10		6.500			3.900			2.600						
		Các Lô từ A26-A43; B6-B37		5.200			3.100			2.100						
23	Khu đất đấu giá khu vực Chợ cũ	Các Lô từ A1-A9		11.100			6.700			4.400						
		Các Lô từ A10-A17		6.500			3.900			2.600						
24	Khu đất dịch vụ, đất giãn dân, đất đấu giá QSDĐ khu vực Đè Ngang xã Đức Bác	Tiếp giáp đường trục xã		4.500			3.200			2.200						
		vị trí còn lại		3.000			2.100			1.500						
24	Khu đồng Ngọc Khánh, thôn Quyết Thắng,	Tiếp giáp đường trục xã		4.500			3.200			2.200						
		vị trí còn lại		3.000			2.100			1.500						
25	Khu đất Khu đồng Cửa Chùa Đồng	Tiếp giáp đường trục xã		4.500			3.200			2.200						
		vị trí còn lại		3.000			2.100			1.500						
26	Các khu đất đấu giá, giãn dân, tái đinh cư còn lại trên địa bàn xã Sông Lô	Tiếp giáp đường trục xã		4.200			2.900			2.000						
		vị trí còn lại		2.800			2.000			1.400						
27	Khu đất dịch vụ, đất giãn dân, đất đấu giá QSD đất tại xã Tứ Yên, huyện Sông Lô	Tiếp giáp đường trục xã		4.500			3.200			2.200						
		vị trí còn lại		3.000			2.100			1.500						
29	Đất dân cư 2 bên đường ĐH 53 Long Cương phà Then	Từ đường tỉnh lộ 306 Long Cương	Đường tỉnh lộ 306B, Đoạn nhà bà Lý Đỗ	3.900	2.300	900	2.300	1.600	700	1.600	1.200	500				
30	Khu tái định cư Ao Cá	Băng 1 giáp đường TL306B và Đường liên xã		4.500			3.200			2.200						
		Các thửa đất còn lại		3.000			2.100			1.500						
31	Đường Trung tâm y tế Lập Thạch - Đê Sông Lô			4.200	2.520	900	2.100	1.800		1.400	1.300					